

Trái đất là một vật thể trong vũ trụ, chịu sự tác động của các yếu tố trong vũ trụ như các tia vũ trụ, sức hút của các vật thể, các thiên thể..., mặt đất chịu ảnh hưởng của nắng, mưa, gió, bão, khí hậu, nhiệt độ. Các vùng trên trái đất cũng có những đặc điểm rất khác nhau, rất phức tạp. Có những vùng đất có đặc điểm kỳ lạ về khí hậu, sức hút, sức gió, độ ẩm, môi trường... Trái đất còn chịu ảnh hưởng, chịu tác động của mặt trăng, của các thiên thể, của nhiều tác nhân vũ trụ khác.

Những đặc điểm trên có thể ảnh hưởng trực tiếp đến con người, làm biến đổi con người, hoặc tạo nên những hiện tượng kỳ lạ ở con người.

7. Tác động của các yếu tố trong vũ trụ

Con người và trái đất còn chịu ảnh hưởng của các hiện tượng trong vũ trụ, trong tự nhiên như các tia vũ trụ, sóng vũ trụ, sức hút hoặc tác động của các thiên thể, vật thể (mặt trời, mặt trăng, các vì sao, các lỗ đen...), thời gian, không gian, những tín hiệu kỳ lạ từ vũ trụ, hoặc những "vùng trũng của sóng"... Gần đây (năm 2005), còn có một học thuyết mới cho rằng, mỗi vật thể trong vũ trụ dù rất lớn hay rất nhỏ, đều có một "quyển" bao quanh. Các "quyển" đó tác động lẫn nhau, tạo nên các lực vũ trụ tác động vào các vật thể (Thuyết Trường Quyển Vật Thể).

Các yếu tố trên có thể tác động đến con người, có thể là những nguyên nhân tạo nên những khả năng kỳ diệu, những hiện tượng đặc biệt, siêu nhiên ở con người.

Trên đây là một số vấn đề lý luận làm cơ sở bước đầu lý giải những hiện tượng siêu nhiên của con người. Tuy nhiên, để lý giải một cách rõ ràng, cụ thể, cần những công trình nghiên cứu khoa học quy mô, đầy đủ hơn. Theo chúng tôi, chúng ta có thể khẳng định sự tồn tại của một số hiện tượng siêu nhiên ở con người, nhưng cần chú ý tránh sự nhầm lẫn giữa những hiện tượng này với các hiện tượng mê tín dị đoan, hoặc sự lợi dụng chúng cho những mục đích không lành mạnh. Nhiều hiện tượng siêu nhiên, đặc biệt là những hiện tượng bí ẩn, huyền bí cần tiếp tục nghiên cứu, không nên quá tin một cách vội vàng nhưng cũng không nên phủ nhận một cách máy móc.

"Cái khó hiểu nhất là làm sao Vũ trụ lại có thể hiểu được"

EINSTEIN

(1879 - 1955)

THẾ GIỚI: HỮU HÌNH - VÔ HÌNH

BS. Trịnh Minh Tranh

BV.NDGD

“Sự kiện Lalker”. Chiều tối ngày 23 tháng 9 năm 1880, ông Lalker có mời bạn, quan tòa Beiker và người em vợ ông đến ăn bữa tối. Hai vị khách đi xe ngựa đến đỗ trước nhà Lalker. Ngài Lalker nghe tiếng xe ngựa, bèn cùng vợ và hai con trai 8 tuổi và 12 tuổi bước ra đón khách. “Hoan nghênh! Hoan nghênh!”. Ông Lalker vừa vẫy tay một cách nhiệt tình vừa bước tới chỗ các vị khách mời từ xe xuống. Nào ngờ, trong khoảnh khắc đó, ông Lalker bỗng nhiên biến đâu mất, không nhìn thấy hình bóng hoặc dấu vết đâu nữa. Trước cảnh tượng xảy ra quá đột ngột, khách khứa và vợ con ông có mặt tại hiện trường, ai cũng ngó ra, trợn mắt há mồm kinh ngạc. Sự việc xảy ra ly kỳ như cơn ác mộng. Mấy tháng sau đó, con trai Lalker đến trước chỗ xe ngựa hôm ấy, nơi mà ông bố đã từ đó biến mất, bỗng nghe thấy tiếng nói kỳ lạ: “Tôi khổ lắm, khổ lắm mà!”. Ở đây con người đã biến thành vật chất vô hình?

Trong cuộc sống hàng ngày, ai cũng có thể cảm nhận được tác dụng của dòng điện, của điện từ trường qua các máy móc, tiện nghi điện, điện tử, song hình tướng của chúng ra sao thì ta không biết được. Ví dụ Radio, Tivi có thể nhờ tác dụng của sóng điện từ phát ra âm thanh, hình ảnh để con người thưởng thức. Qua điện thoại di động, ta

có thể nhận ra ngay tiếng nói của người thân quen... Vậy mà trong Trường điện từ, ta không thể biết được các sóng truyền thanh và truyền hình có hình dạng cụ thể ra sao. Chỉ biết chúng có tính chất sóng và hạt nhờ dụng cụ đo và các phép toán. Giữa vị trí và vận tốc của chúng, ta cũng không thể biết chính xác và chúng có một tỷ lệ nghịch: xác định được vị trí chính xác của hạt bao nhiêu, thì việc xác định được vận tốc của nó càng kém chính xác bấy nhiêu và ngược lại (nguyên lý bất định). Khi đi sâu nghiên cứu cấu trúc của vật chất, như trong Vật lý hạt nhân, con người đã phát hiện ra điện tử, hạt nhân của nguyên tử, hạt cơ bản rồi hạt cơ bản hơn như các hạt Quark... Các nhà khoa học, với máy đếm hạt hiện đại đã nhận thấy rằng có những hạt xuất hiện như “ma” khi có khi không, có hạt ảo (hạt ta không ghi nhận được trực tiếp, nhưng sự tồn tại của nó gây ra những hệ quả đo được và dường như nếu cứ đi tiếp sẽ bước vào thế giới vô hình giống như Hư không trong Đạo Phật. Như vậy trong thế giới mà chúng ta đang sống, ngoài phần hữu hình còn có cả phần vô hình.

Con người chúng ta nhận thức được thế giới xung quanh nhờ vào các giác quan và bộ não; Khi một dạng vật chất nào đó tác động đến con người sẽ gây ra sự phản ánh về chúng, đồng thời có thể tạo ra những cảm giác và đem lại cho con người sự nhận thức. Con người ta có 5 giác quan: thị giác (mắt), thính giác (tai), khứu giác (mũi), vị giác (lưỡi) và xúc giác (da). Chúng liên hệ chặt chẽ với nhau.

não, các cơ quan khác trong cơ thể và với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, không phải mọi dạng vật chất tác động lên giác quan của con người đều được con người nhận biết. Ví dụ ta có thể dễ dàng nghe được tiếng hót du dương của một chú chim Họa Mi, thấy được mặt trời mọc lên rực rỡ ở một khoảng cách không gian bao la. Ngược lại, tia X-quang, tia phóng xạ... tác động lên toàn bộ cơ thể người, trong đó có các giác quan, nhưng con người không thể trực tiếp nhận biết, cảm giác được chúng. Con người chỉ nhận biết được thông qua các trang thiết bị, máy móc và các phương pháp đặc thù của khoa học. Ta có thể nhận biết được một phần cơ thể mình qua tấm phim chụp Xquang, phim chụp cắt lớp điện toán (CT Scanner), chụp cộng hưởng từ hạt nhân (MRI), qua hình ảnh ghi được từ máy siêu âm..

Ở con người, thị giác là một giác quan chính yếu để nhận biết thế giới, song thị giác chỉ có thể cảm nhận được vật chất ở kích cỡ trên phân tử, vận động không quá nhanh và có sự hiện diện của ánh sáng (chúng phát sáng, hoặc phản xạ ánh sáng). Hầu hết vật chất ở thế giới vi mô, người bình thường như chúng ta không thể thấy được, nếu không có máy móc và các phương tiện chuyên dụng. Tuy nhiên, đối với một số người có khả năng đặc biệt như các nhà ngoại cảm, đối với những thánh nhân như Đức Phật, họ có khả năng “thấy” được vật chất vi mô mịn hay vô hình.

Nói một cách khác, *mức độ vô hình đến đâu còn tùy thuộc vào khả năng của con người và máy móc, phương tiện...*

Trong thế giới vô hình hay Không trong Hu không của đạo Phật, theo Long Thọ, không phải là một tình trạng không có gì cả, mà là nguồn gốc của tất cả mọi đời sống, là cốt tủy của tất cả dạng hình, không chỉ là *không có sự tồn tại riêng mà thôi*. Bởi vì tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau, nên không có gì có thể được xác định và tồn tại bởi chính mình. Quan niệm về các đặc tính nội tại tồn tại tự thân và bởi chính nó không còn được đặt ra nữa. Không theo Vô Trước còn được hiểu là không có gì thường hằng bất biến, ngay cả với thực tại tối hậu.

Theo Phật giáo, đằng sau hiện tượng còn có một thực tại nhận biết được nhưng không diễn tả được, mà chỉ có thể tiệm cận gần, tương đối tới nó bằng một loạt phủ định vì nó luôn biến đổi và không có tính hiện tượng nên tạm gọi là Không. Theo Bát nhã, cái Không không phải là trống rỗng mà linh động. Đó là cái Không diệu hữu tiềm ẩn của mọi cái Có, là chỗ về của mọi cái Không, ngoài mọi thái cực.

Ngày nay, nếu chụp hình theo phương pháp của Kirlian, người ta có thể “thấy” được hào quang đầy đủ (hoặc hình ảnh của một chiếc lá cây trước khi nó mọc ra 3 ngày, hay sau khi bị cắt ngang một thời gian. Hào quang của phần lá bị cắt đi dần dần đổi màu, sau đó hình dạng biến đổi kéo dài thành hình cò đuôi nheo... Sự tương tác

qua lại giữa cây và trường năng lượng sinh học của nó cho thấy khi chưa có cơ thể hữu hình thì đã có cơ thể vô hình và khi cơ thể hữu hình đã mất đi, cơ thể vô hình vẫn còn tồn tại như nguyên mẫu một thời gian rồi mới biến đổi... Nghĩa là trước và sau khi tồn tại trong thế giới hữu hình, sinh vật đã và sẽ còn "tồn tại" trong thế giới vật chất vô hình. Có thể nói, thế giới gồm có phần hữu hình và phần vô hình. Chúng nằm bên cạnh nhau, đan xen vào nhau, liên hệ gắn bó mật thiết với nhau cùng tồn tại, có thể chuyển hóa lẫn nhau, trao đổi năng lượng, thông tin với nhau. Chúng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, thậm chí chuyển từ dạng hữu hình thành vô hình và ngược lại, như triết lý của Phật giáo; Hữu sinh Vô, Vô sinh Hữu, hay Sắc sinh Không, Không sinh Sắc. Điều này giống như sự chuyển đổi hạt ảo thành hạt thực và hạt thực thành hạt ảo đã được ghi nhận trong vật lý hạt nhân. Trong vũ trụ này vật chất hữu hình vẫn thường xuyên vận động chuyển hóa thành những dạng vô hình để trở về với đại dương năng lượng. Và thực ra đại dương năng lượng với vật chất vô hình của nó vẫn "thâm thấu" trong tất cả các dạng vật chất hữu hình khác chứ không phải ở đâu xa. "Khoảng trời bao gồm tất cả những thiên thể phát sáng, mà ánh sáng có được, do phải mất nhiều triệu năm để đến được trái đất này, đó chỉ là những bọt bong bóng trong đại dương của hư không bất diệt" (D.T. Suzuki).

Khoa học hiện đại cho ta biết rằng thân thể con người không phải chỉ là một cấu trúc thể chất bằng phân tử, mà như bất cứ vật gì khác, nó cũng gồm những trường năng lượng. Người ta cho rằng con người có thể chuyển dịch ra khỏi thế giới hình thái chất rắn tĩnh để bước vào một thế giới các trường năng lượng động. Theo Phật giáo cái yếu tố đem lại sự tiếp nối những đời sống, không phải là một thực thể, mà là tầng lớp tế vi sâu xa tối hậu của tâm thức. Và khi ta chết, tâm thức ở tầng sâu xa vi tế nhất của nó vẫn tiếp tục không cần thân xác và kinh qua chuỗi trạng thái gọi là Trung âm. Tâm thức ở tầng sâu xa vi tế nhất của con người trong Phật giáo (có thể gọi là linh hồn), tồn tại dưới dạng vật chất vô hình vừa là kết quả vừa là cơ sở và điều kiện cho con người hoạt động. Khi con người còn sống, dạng vật chất vô hình này "thâm thấu" trong con người và luôn luôn có tác động qua lại với cơ thể người. Khi con người chết đi, nó rời bỏ thể xác, tiếp tục tồn tại và tương tác với những dạng vật chất khác trong không - thời gian. Người Phương Đông thường có phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên vì cho rằng chết không phải là hết. Sau khi từ giã cõi trần, con người vẫn có thể tồn tại ở một "thế giới khác", thế giới vô hình.

Theo Phật giáo nếu cứ đi sâu mãi vào Cực vi thì "Tìm cầu chẳng trọn vì Vật chỉ là Tâm thô kệch, và Tâm là Vật vi tế". Những hạt siêu cơ bản xuất hiện khi có khi không mà các nhà khoa học gần đây phát hiện được chính

là những hạt ảo xuất hiện giữa biên giới giữa Tâm và Vật. Như vậy, vật chất có thể chuyển từ dạng vô hình thành dạng hữu hình tạo nên vạn vật, vũ trụ và con người chúng ta. Ngược lại, chúng ta cũng sẽ trở về với cát bụi, với thế giới vô hình.

Học thuyết tái sinh của Phật giáo dựa trên quan điểm về *Nghiệp lực*, đó là một trong những tinh hoa của đạo Phật: *Luật karma* (Nghiệp). Chúng ta luôn gặt hái được cái gì mà chúng ta đã gieo: vận động của ý thức, tức suy nghĩ và hành động của con người (cơ sở của năng lượng) quyết định tương lai của chính nó chứ không phải do Thượng đế sắp đặt. Người ta thường hiểu lầm Nghiệp với *Định mệnh* hay *Tiên định*. Danh từ karma - nghiệp, có nghĩa là hành động, và karma vừa là năng lực tiềm tàng trong hành động (cho tương lai) vừa là hành động mà hậu quả (của quá khứ) đem lại. Nghĩa là năng lượng và thông tin mà con người đang tạo ra vừa là kết quả của quá khứ vừa là nguyên nhân cho tương lai gần cũng như tương lai xa của chính nó. Tuy nhiên cũng cần phải có thêm những điều kiện (cơ duyên) nhất định. Nói giản dị thì Nghiệp là gì? Nó có nghĩa là bất cứ gì ta làm, qua thân, lời hay ý, đều sẽ có một hậu quả tương ứng. Mỗi hành vi, dù nhỏ nhất, đều mang nặng những kết quả của nó... Năng lực của Nghiệp sẽ không bao giờ biến mất cho đến khi nó chín mùi. Phật dạy: "Hiện tại ta là những gì trong quá khứ ta đã từng là, và tương lai ta sẽ là gì tùy thuộc vào hiện tại ta làm gì".

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ "TÂM LINH" NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TÂM LÝ

TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

Từ sau thế kỷ XX loài người đã đạt được nhiều thành tựu khoa học vô cùng kỳ diệu và cũng nhiều vấn đề mới phức tạp đã được khoa học nghiên cứu như: Nguồn gốc vũ trụ, sự hình thành trái đất, nguồn gốc sự sống, nguồn gốc loài người... đặc biệt là vấn đề bản chất con người, về những điều kỳ diệu của con người khi là con người sinh học mang tính xã hội và cả khi con người là con người ở một dạng vật chất khác sau khi qua đời - nhân gian thường gọi đó là "linh hồn". Trong bài viết ngắn này, xin được chia sẻ suy nghĩ về điều đó.

Như đã biết, tâm lý học là khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý, hoạt động tinh thần xảy ra trong bộ não của con người, gắn liền với mọi hoạt động của con người - đó chính là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, hình ảnh bên ngoài được thu vào não người với một nhịp điệu đều đặn là 40 lần/giây và được dựng lại trong trí óc dữ liệu đã thu được. Do vậy, tâm lý người mang tính chủ thể, mang bản chất xã hội lịch sử.

Ngày nay, bản chất và tốc độ lan truyền của xung động thần kinh được phát hiện khá tỷ mỉ. Theo những quan điểm hiện đại, xung động thần kinh là một kích thích

điện hóa. Mỗi loại kích thích có khả năng kích hoạt một cơ quan cảm giác, kích thích đó chính là cường độ. Vấn đề cường độ kích thích liên quan đến các phản ứng của cảm giác - nghiên cứu lĩnh vực này là ngành Tâm vật lý. Tâm vật lý nghiên cứu mối quan hệ giữa tính chất vật lý của kích thích. Vậy là nảy sinh vấn đề cần nghiên cứu: Khi nào một kích thích đủ mạnh để cơ quan cảm giác của chúng ta có thể cảm nhận được, tức là ngưỡng tuyệt đối của cảm giác của chúng ta như thế nào, mới có thể cảm nhận được những kích thích nhỏ nhất, nếu kích thích đó vượt qua ngưỡng cảm giác nhỏ nhất của con người thì chúng ta sẽ không nhìn thấy, cảm thấy. Chiều dài sóng mà con người nhận cảm được gọi là phổ học thị giác. Ngoài ra các nhà Tâm vật lý học cũng đã vận dụng luật Weber để giải thích sự khác biệt ở mức có thể nhận thấy, phân biệt sự thay đổi về độ lớn giữa âm thanh đối với âm thanh to ban đầu lớn hơn âm thanh ban đầu nhỏ. Nguyên tắc này giải thích vì sao một người ở trong phòng một mình khi có tiếng động nhỏ cũng có thể giật mình (chuông điện thoại) nhưng nếu chuông điện thoại kêu ở trong phòng ồn ào sẽ không bị giật mình.

Từ những cơ sở lý luận trên, nhìn nhận về vấn đề ngoại cảm của một số người có khả năng đặc biệt (họ có thể giao tiếp với người đã mất hoặc có thể vẽ lại người đã mất qua việc tiếp xúc với người thân của người đã mất...) Nhận thấy, những cảm giác của họ có lẽ ở dưới ngưỡng

kích thích cả về thị giác và thính giác của những người bình thường rất xa.

Một câu hỏi đặt ra, linh hồn tồn tại như thế nào? ở dạng vật chất nào? và vì sao nó không mất đi cho dù trải qua mưa gió bão táp và năm tháng? Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã cố gắng đi tìm lời giải, nhưng có những điều khoa học chưa thể khám phá. Chỉ biết rằng giữa người sống và người đã mất thật sự vẫn có mối liên hệ đó là mối liên hệ tâm linh - có thể đó là "giác quan thứ sáu". Hiện nay, các nhà khoa học chỉ mới tìm hiểu được cơ chế của một số cảm thụ của "giác quan thứ sáu".

Chúng ta đều biết rằng con người có 2 não bộ" một não bộ nhỏ nằm ở bên trong gọi là đồi não hay *thalamus*, tức là phần não nguyên thủy, thừa hưởng từ các tổ tiên xa xưa, khi còn là động vật. Bọc ngoài thứ lõi não đó là não mới, một bọc chất xám gọi là vỏ não gồm trên 10 tỉ tế bào thần kinh. *Thalamus* chỉ nhỏ bằng ngón tay út, là trung tâm tiếp nhận thông tin. Từ phần sâu của não bộ này sẽ nảy sinh những giấc mơ, những hình ảnh, những bản năng và những cảm xúc. Người ta cho rằng rất có thể *thalamus* là cơ sở của giác quan cũ bị lu mờ ở nhân loại văn minh, nhưng chưa mất hẳn. Các nhà khoa học về sinh lý thần kinh và tâm vật lý học cũng đang nghiên cứu về vấn đề này nhằm giải thích khả năng đặc biệt của con người. Theo lối suy diễn đó rất có thể linh hồn của người đã mất có thể giao tiếp với người sống, nhờ vào những khả năng

đặc biệt của những người mà rất có thể phần não nguyên thủy của họ phát triển một cách đặc biệt, khoa học hiện đại chưa có đủ điều kiện để nghiên cứu.

Trong khuôn khổ bài viết ngắn này, chỉ xin chia sẻ thêm một số thông tin về hoạt động sinh lý thần kinh của não bộ trong quá trình hình thành tâm lý người, hy vọng góp thêm hướng tiếp cận nghiên cứu tiềm năng con người trong lĩnh vực tâm linh ẩn chứa nhiều điều kỳ diệu và bí ẩn.

VẤN ĐỀ TÂM LINH TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN TẠI

GS. TSKH, Phan Đăng Nhật

Chúng tôi xin phép trình bày dưới dạng đề cương nghĩa là chưa phải một công trình khoa học hoàn chỉnh. Sản phẩm hoàn chỉnh xin hẹn dịp sau.

Chung quanh vấn đề tâm linh, hiện nay đã có nhiều nghiên cứu khảo nghiệm. Chúng ta đã tìm hiểu thực tại, tiếp thu ý kiến nước ngoài, cân đo các hiện tượng lạ, cân đo thân thể của các nhà được gọi là ngoại cảm... Theo tôi cần bổ sung một hướng tìm hiểu xem ông cha ta quan niệm và ứng dụng, thực hành tâm linh như thế nào, cần phải tìm hiểu xem ông cha mình đã từng có truyền thống về các đối tượng đang bàn không, chúng như thế nào, quan niệm của người xưa ra sao? Chúng tôi nghĩ rằng, từ xa xưa, tổ tiên chúng ta đã thực hiện việc ứng xử âm linh tốt và thích hợp, từ đó có thể rút ra những bài học bổ ích cho ngày nay. Hơn nữa, trong cuộc họp này Bộ môn Cận tâm lý đề ra yêu cầu giải đáp một số vấn đề về sự tồn tại của thế giới siêu hình, nên trước hết tìm sự giải đáp đó trong ông cha mình.

Bài viết này thử đi vào hướng trên. Và sau đây là một vài điểm có tính chất đề cương, theo 3 mục lớn:

- Vấn đề tâm linh trong truyền thống
- Tâm linh, từ truyền thống đến hiện đại
- Kết luận

I. Vấn đề tâm linh trong truyền thống

1. Đối với ông bà tổ tiên

1.1. Người xưa tin rằng người chết không hoàn toàn mất hẳn “chết là thể phách, còn là tinh anh”. Ông bà tổ tiên còn lại như là một năng lượng. Năng lượng đó tiếp tục gần gũi, theo dõi cuộc sống của con cháu. Vì thế con cháu phải thờ cúng những người ruột thịt đã qua đời với quan niệm gia tiên vẫn còn đó và sinh hoạt của các cụ tương tự như chúng ta theo nguyên tắc “âm dương nhất lý”, cũng có ăn mặc uống, đi lại. Và sự thờ phụng nhằm đáp ứng được phần nào các nhu cầu nói trên.

- Trên bàn thờ xưa thường có bức hoành phi đề chữ “như tại” nghĩa là gia tiên như tại. Các Ngài còn ở đây, chứng giám, theo dõi và phù hộ cho con cháu.

- Có người cho rằng tục thờ cúng tổ tiên là xuất phát từ Trung Quốc mà chúng ta bắt chước. Chúng tôi có tư liệu để chứng minh rằng tục thờ cúng tổ tiên có nguồn gốc bản địa, lâu đời. Sau đó có một lúc ảnh hưởng của Trung Quốc, tiêu biểu là Thọ mai gia lễ, nhưng gốc vẫn là Việt Nam.

- Lại có một giai đoạn ảnh hưởng của tư tưởng vô thần quá khích, chúng ta đã phê phán đả kích việc thờ cúng tổ tiên. May thay, ngày 29/6/2004, chủ tịch Trần Đức Lương đã ký lệnh số 18/2004/L/CTN về việc công bố Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo. Điều 1 của Pháp lệnh ghi rõ: “Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy”¹

Điều 3 của Pháp lệnh khẳng định “sự tôn thờ tổ tiên” là một tín ngưỡng, nghĩa là không ai được xâm phạm quyền tự do thờ cúng này: “Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác, tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử văn hóa, đạo đức xã hội”²

Tóm lại, trừ một giai đoạn vô thần quá khích, từ xưa, từ nghìn xưa cho đến nay, người Việt Nam luôn luôn sùng bái sự tôn thờ tổ tiên. Đây không phải chỉ là việc thực hành của một bài học luân lý mà là một tín ngưỡng khẳng định sự tồn tại của thế giới siêu hình với quan niệm “gia tiên như tại” “âm dương nhất lý”, như đã trình bày trên.

¹ Xem ở Công báo và các tài liệu pháp lý, riêng bài này dựa vào: *Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 4 - 2004, tr.96 - 104

² Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, tài liệu vừa dẫn, tr.97

1.2. Trong việc ứng xử với mồ mã

Người Việt Nam (Người Việt cùng một số dân tộc anh em khác) có quan niệm “mồ yên mà đẹp”. Người Mường nói rõ mối quan hệ giữa ma và người “lành bên ma, đẹp bên người”.

Động mồ động mã là một tai họa cho người chết và do đó ảnh hưởng rất xấu đến người sống.

Sống vì mồ vì mã

Không ai sống vì cả bát cơm

“Cả” đây có nghĩa là to lớn như trong: Cả giận mất khôn - Cả gió tắt đuốc - Cả lo cả nghĩ - Cả nắm khó bề - Cả tiếng dài hơi - Cả thềm chóng chán - Cả vú lập việc em,...

Đây là một lễ sống của người Việt. Mục tiêu đúng đắn của cuộc sống không vì bát cơm to, nghĩa là không vì đời sống vật chất cao, mà vì yêu cầu tâm linh - mồ mã.

Cho nên phải lo chăm sóc mồ mã, nếu mồ mã bị thất lạc phải tìm cho được, bị xâm hại phải sửa sang. Điều này dẫn đến nhu cầu tìm mộ và tìm mộ bằng ngoại cảm, một nhu cầu đặc biệt quan trọng đối với người đã mất và thân nhân.

2. “Đối với những người có công với nước, với cộng đồng”³

³ Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo, tài liệu đã dẫn, tr.97

Đối với những bậc có công với nước, với cộng đồng, làng xóm, chúng ta có truyền thống thờ thành hoàng. Tất cả các làng truyền thống đều có thờ Thành hoàng làng. “Thành hoàng làng là tập đại thành văn hóa mà người nông dân Việt Nam đã sáng tạo qua bao nhiêu thế hệ”⁴

“Tín ngưỡng thành hoàng làng thực chất là tín ngưỡng phúc thần, đóng vai trò liên kết cộng đồng người, trong một cộng đồng lãnh thổ nông nghiệp hữu hạn, làm nơi qui tụ tâm linh cho cư dân. Tín ngưỡng đó mang màu sắc Việt trong bản chất, dù đã tiếp thu bao yếu tố tôn giáo và văn hóa khác. Đó chính là bản sắc tín ngưỡng tôn giáo đã làm nền cho sự tồn tại mấy ngàn năm của dân tộc. Đó **không phải là mê tín**, nhưng chưa phải là tôn giáo (phổ quát). Nó chỉ mang lại phước lành cho người nông dân, không gây ra hậu quả xấu như chiến tranh tôn giáo, hay kỳ thị tôn giáo”⁵

- Tín ngưỡng thành hoàng gắn bó với hội làng. Thành hoàng làng là linh hồn của hội làng, mặt khác, hội làng bằng các phương tiện văn hóa nghệ thuật, tôn vinh, tô đậm, nâng cao và mở rộng thành hoàng. Hai bộ phận này là một thực thể, không thể thiếu một. “Tín ngưỡng thành hoàng với hội làng là một hoạt động văn hóa truyền thống ăn sâu vào lòng người với tư cách là một giá trị văn hóa.

⁴ Nguyễn Duy Hình: *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, NXB KHXH, 1996, tr.410

⁵ Nguyễn Duy Hình, sách vừa dẫn, tr.410

Cần thiết phát triển giá trị văn hóa đó nhằm phục vụ đoàn kết động viên toàn dân xây dựng một tổ quốc giàu mạnh"⁶

- Thế nhưng, lại có một giai đoạn, tư tưởng duy vật máy móc đã gây ra đập phá đền thờ, lấy bia làm cầu ao, cột kèo để đun, nhà bãi đường dựng phân hợp tác. Hoạt động hỗ trợ cho tín ngưỡng thành hoàng là hội làng bị cấm đoán.

May thay, cũng trong pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo vừa nêu trên đã đánh giá tín ngưỡng thành hoàng là: "Tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng", được pháp luật bảo đảm.

- Cũng có người cho thờ thành hoàng ở ta là bắt chước của Trung Quốc. Điều này không đúng. Chúng tôi đã chứng minh. Tên gọi thành hoàng có từ chữ Hán: "nhưng lại mang một nội hàm bản địa Việt không hoàn toàn giống nguyên bản. Đó là một đặc điểm vay mượn ngôn từ và khái niệm ngoại quốc một cách sáng tạo của người Việt. Chính vì không nhận thức được đặc điểm này nên nhiều nhà nghiên cứu trong, ngoài nước trước đây coi văn hóa Việt như một bản sao thu nhỏ hay đơn giản hóa của văn hóa Trung Quốc trong đó có tín ngưỡng thành hoàng"⁷

⁶ Nguyễn Duy Hinh, sách vừa dẫn, tr.411

⁷ Nguyễn Duy Hinh, sách vừa dẫn, tr.22

- Về tín ngưỡng thành hoàng có một thông tin, hiện tôi chưa xác định được tư liệu: Bác Hồ viết văn tế cho thành hoàng ở một làng ở Thái Nguyên. Thông tin này tôi đọc được ở báo Việt Nam độc lập, năm 1948. Nay tôi tìm ở Toàn tập HCM không thấy, gọi điện hỏi nhà văn Sơn Tùng, ông trả lời ngay là có. Ông kể lại: đầu năm 1948, Bác viết bài văn tế này, sau đó giao cho đ/c Nguyễn Lộc, người cấp dưỡng của Bác trong kháng chiến, đưa đi đăng báo. Cụ Vũ Đình Huỳnh có biết việc trên. Rất tiếc, nhà văn Sơn Tùng cũng không có được bài báo (ĐT chiều 4/8-2009)

Mong các bậc cao minh ai trông thấy bài báo, tin cho biết, rất cảm ơn.

3. Đối với những dạng linh thiêng tầm quốc gia

Chúng ta có đáng được thờ một cách đặc biệt, Vua Hùng, Đức Thánh Trần (Hưng Đạo Đại Vương) và Bà chúa Liễu. Việc phụng thờ hai vị sau đã hình thành một hình thức Đạo, được gọi là Đạo Mẫu. Bà Lão Hạnh là mẹ, Đức Thạnh Trần là cha "Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ". Đạo Mẫu đã có diện thân khá uy nghi, có thần tích, lễ hội và nghi thức khá chặt chẽ. Đặc biệt, ngoài những hoạt động dâng cúng thông thường, đối với các vị còn có hầu bóng/lên đồng.

Một điều rất quan tâm là Đạo Mẫu có sức sống mạnh mẽ trong lòng người Việt Nam, trải rộng khắp miền núi, miền xuôi, từ Bắc đến Trung, Nam và đặc biệt ngày

nay, Đạo Mẫu vẫn tiếp tục phát triển và có nhiều chuyển hóa cho thích hợp với thời đại.

“Từ góc độ xã hội, Đạo Mẫu là một hiện tượng sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa đang diễn ra một cách sống động trong đời sống thường ngày của nhân dân, nó đáp ứng nhu cầu không chỉ đời sống tâm linh, mà còn cả đời sống văn hóa nghệ thuật. Thực ra linh cảm và mỹ cảm không tách rời nhau mà vấn bó mật thiết, cái nọ là tiền đề cho sự nảy nở và tồn tại của cái kia”⁸

Những điều điềm sơ qua về vấn đề tâm linh trên đây chứng tỏ rằng tổ tiên ta quan niệm là có thể giới linh hồn. Quan niệm đó đã biểu hiện thành rất nhiều hoạt động ứng xử, tôn trọng, tôn vinh, phụng thờ.

II. Tâm linh, từ truyền thống đến hiện tại

1. Từ vài thập kỷ nay, sau một thời gian dài chiến tranh, hoạt động tâm linh và phạm vi liên quan phát triển mạnh.

- Viết gia phả/tộc phả để tìm lại tổ tông và con cháu
- Sửa sang lại từ đường đền, chùa, miếu mạo, mà trước đây hoặc bỏ hoang phế, hoặc tự ý phá hủy.

- Tìm kiếm mồ mà bị thất lạc qua cuộc phiêu tán trong chiến tranh, trong nạn đói; đặc biệt là tìm hài cốt các liệt sĩ bị thất lạc trong 3 cuộc chiến tranh.

- Tìm gặp lại vong hồn của người thân.

2. Nhu cầu xã hội trên đây góp phần thúc đẩy sự ra đời của nhiều người có khả năng đặc biệt. Các khả năng đó rất đa dạng. Ta thường gọi họ là nhà ngoại cảm. Ngoại cảm là từ chuyển dịch từ Tiếng Anh, extra sensory Perception, có nghĩa sự nhận biết của con người thông qua cảm quan ngoài sự thông thường, hay nói cách khác, thông qua những cảm quan đặc biệt.

Có thể xếp loại họ theo khả năng chủ yếu của công việc. Sở dĩ nói chủ yếu là vì mỗi nhà ngoại cảm nhiều khi có thể đồng thời thực hiện ở mức độ khác nhau, nhiều nhiệm vụ:

- Nhóm những nhà ngoại cảm chủ yếu dự báo về thế sự và gia sự: cô Phương - Hàm Rồng, cô Nghi - Hưng Yên, ông Vọng - Hưng Yên, ông Bông - Hưng Yên, cô Thi - Hòa Bình, cô Hải - Hà Nội, ông Tiến - TP Hồ Chí Minh...

- Nhóm những nhà ngoại cảm chủ yếu tìm mộ: cô Bích Hằng - Hà Nội, bà Cườm - Hưng Yên, ông Liên - Hải Dương, cô Nguyễn - Hà Nội, ông Phụng - Hà Nội, cô Năm Nghĩa - Vũng Tàu, ông Nguyễn Văn Nhã, ông Hồ Văn Dũ, ông Hồ Văn Hoàng - TP Hồ Chí Minh ...

⁸ Ngô Đức Thịnh: *Đạo mẫu ở Việt Nam tập 1*, NXB Văn hóa Thông tin, H.1996, tr.316

-Nhóm những NNC chủ yếu chữa bệnh; bà Hai - đã mất, cô Phú - Thái Nguyên, ông Nhâm - Nghệ An, ông Tu Phi - Nam Bộ, cô Bảy Phan, cô Hồ Thị Hai...

3. Tuy mục tiêu có phần khác nhau, nhưng phương thức thực hiện lại cơ bản giống nhau. Những người có khả năng đặc biệt thường do hai nguyên nhân:

- Bộ não có những cấu tạo đặc biệt, hoặc có biên động thần kinh đặc biệt.

- Được sự hỗ trợ của một lực lượng siêu hình nào đây

Khảo sát trong thực tế chúng tôi thấy khó tách biệt hai nguyên nhân trên trong một nhà ngoại cảm, mà nguyên nhân lộ rõ và được nhấn mạnh là sự hỗ trợ của vong hồn. Họ thường gồm 2 lực lượng phù trì; bậc trên, người điều khiển chung (xưa gọi là thánh sư) và một số đông thừa hành việc cụ thể (Xưa gọi là âm binh).

Để thực hành khả năng đặc biệt, chúng tôi thấy họ thường nhập thần (tức là sự trợ giúp người âm) với các mức độ từ bộc lộ đến ẩn kín.

- Nhập thần hoàn toàn, ví dụ cô Thi, cô Bằng

- Nhập thần một phần, ví dụ cô Phương, cô Bích Hằng

- Nhập thần không bộc lộ, ví dụ ông Liên, ông Phụng, cô Nguyễn

- Nhập thần vào tín chủ (ốp đồng), ví dụ cô Thiêm

- Nói chung vong nhập không phân biệt tuổi, riêng có người chuyên trẻ con nhập: Cô Phú, cô Hải.

Nhập thần là đặc trưng của shamanism, theo Eliade Mercea thì shamanism có hai biểu hiện chính, xuất thần (exstasy) và nhập thần (possession). Và phương Tây rất coi trọng xuất thần. Theo quan sát thực tế ở Việt Nam của chúng tôi thì khó tách biệt hai biểu hiện này, ở ta, nhập thần là chủ yếu.

Dầu phương thức hoạt động của họ đa dạng nhưng xuyên suốt là biểu hiện nhập thần. Thế giới coi đây là tín ngưỡng shaman - shamanism (không dịch được), là một tín ngưỡng phổ biến và rất quen thuộc trên thế giới, khắp năm châu đều có, có nước coi là quốc bảo, rất được trọng dụng như Hàn Quốc.

Tóm lại, xét ở hai góc độ, cội nguồn lịch sử dân tộc và quan hệ thế giới, hoạt động ngoại cảm đều có căn rễ sâu xa và hợp lý; tín ngưỡng shaman và các tín ngưỡng bản địa lâu đời của dân tộc.

Có thể nhắc lại, đã là tín ngưỡng thì không thuộc đối tượng cấm đoán, mà thuộc phạm vi bảo vệ và điều chỉnh của pháp luật

III. Kết luận

1. Tổ tiên chúng ta, từ hàng nghìn năm nay đã hình thành và phát triển nhiều tín ngưỡng dân gian lâu đời phong phú, có quy ước luật lệ, có hệ thống đền miếu, có văn tự, gia phả, thần tích, sắc phong...; có hoạt động hỗ

trợ như lễ hội, giỗ chạp... Những điều trên đây được xây dựng trên một quan niệm là có vong hồn.

Thê chế trên tồn tại suốt mấy nghìn năm lịch sử, trừ mấy chục năm lộn xộn. Ngày nay, Nhà nước ban hành Pháp lệnh tôn giáo tín ngưỡng, là sự nhận thức lại, sáng suốt, kế thừa truyền thống của ông cha.

2. Các nhà ngoại cảm đã thực hành các thê nghiệm siêu việt những khả năng đặc biệt, theo sự kế thừa truyền thống của ông cha từ quan niệm cơ bản về sự tồn tại của vong hồn cho đến các phương thức hành động. Nói chung họ không tự bịa ra/không dám bịa ra các phương thức trên. Nếu có sự biến tướng chẳng qua là đối phó với tình hình thực tại.

Các hoạt động trên cũng cơ bản phù hợp với tình hình chung của nhiều nước khác.

3. Điều khó xử ở đây là việc nghiên cứu tâm linh chưa trở thành khoa học, chưa có một hệ thống định luật, thí nghiệm, ứng dụng, thực hành như một khoa học thực thụ. Vì vậy phát ngôn và hành động trong lĩnh vực này cần thận trọng, tránh lạm dụng và lợi dụng.

4. Trong cuộc họp vào ngày Táo quân năm vừa rồi, TS. Thiệu tướng Chu Phác có một nhận định: "Cần thận trọng kéo chính các nhà ngoại cảm làm mất uy tín của mình." Đây là một lời cảnh báo rất chính xác, tất cả chúng ta nên đặc biệt quan tâm ý kiến trên./.

P.Đ.N

(0912820121- Hà Nội)

TRÍCH "KHOA HỌC VÀ PHẬT GIÁO

TRƯỚC NGÃ TƯ ĐƯỜNG"

GS.TS. Trịnh Xuân Thuận

Khoa học và tâm linh: Hai cửa sổ mở vào thực tại

... Chúng tôi đã cố gắng chứng tỏ rằng đã có những điểm đồng quy nổi bật giữa quan điểm về thực tại của Phật giáo và nền khoa học đương đại. Ý niệm về "vô thường", một ý niệm then chốt trong Phật giáo, tương ứng với ý niệm về tiến hóa trong khoa học về vũ trụ, địa chất và sinh vật. Không có gì ở trong thê tĩnh, tất cả đều thay đổi, chuyển động và tiến triển, từ một hạt nguyên tử cực nhỏ cho đến một cấu trúc lớn lao nhất trong vũ trụ. Vũ trụ tự nó cũng đã có một lịch sử. Thuyết tiến hóa của Darwin kết hợp với sự chọn lọc tự nhiên chi phối những đổi thay liên tục trong thế giới sinh vật. Ý niệm về "duyên khởi", cũng là trọng tâm của giáo lý Phật giáo, cộng hưởng với tính toàn thể, bất khả phân của không gian được hàm chứa trong thí nghiệm EPR về các cấp độ nguyên tử và hạ nguyên tử, cùng với thí nghiệm quả lắc Foucault về các tầng vũ trụ, ý niệm về "Tánh không" của Phật giáo, với sự vắng mặt về sự hiện hữu của một thế giới hiện tượng thường hằng và độc lập, tương đương với tính chất lưỡng tính của ánh sáng và vật chất trong thế giới lượng tử của khoa học. Bởi vì một photon sẽ là sóng khi ta không quan

sát chúng và là hạt khi ta đo lường, thế nên ta có thể nói là nó không có một hiện hữu độc lập, tự thân, sự xuất hiện của nó hoàn toàn tùy thuộc vào người quan sát.

Chúng tôi cũng đã nêu rõ rằng Phật giáo phản bác cái ý niệm về một sự khởi đầu của vũ trụ cũng như về một vị Thượng đế hay là một nguyên lý sáng tạo có khả năng hòa điệu những phẩm tánh của mình, từ đó tạo điều kiện cho ý thức xuất hiện. Phật giáo cho rằng ý thức cộng hữu với vật chất nhưng không hề bắt nguồn từ vật chất. Bởi vì cả hai đều tương tác và duyên khởi nên không cần thiết phải điều chỉnh thế giới vật chất để phục vụ cho ý thức trong một thế hòa điệu.

Những điểm đồng quy nói trên không có gì là đáng ngạc nhiên bởi vì cả khoa học lẫn Phật giáo đều đã sử dụng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt và chân xác để vươn đến chân lý. Bởi vì mục tiêu của cả hai là mô tả thực tại, họ phải gặp nhau ở những mẫu số chung mà không hề loại trừ nhau. Trong khoa học, những phương pháp cơ bản để khám phá sự thật là thí nghiệm và lý thuyết hóa dựa vào phân tích; trong Phật giáo, quán tưởng là phương pháp chính. Cả hai đều là những cánh cửa sổ cho phép ta hé nhìn vào thực tại. Cả hai đều vững vàng trong những phạm trù chuyên biệt của mình và bổ túc lẫn nhau. Khoa học khám phá giùm ta những kiến thức "Quy ước". Mục tiêu của nó là hiểu rõ thế giới hiện tượng. Những áp dụng kỹ thuật của nó có thể gây nên những hệ quả xấu hay tốt đối

với đời sống thể chất của con người. Thế nhưng quán tưởng, khi giúp ta nhìn rõ bản tính chân thật của thực tại, có mục đích cải thiện nội giới để ta có thể hành động nhằm cải thiện đời sống của tất cả mọi người. Những nhà khoa học còn sử dụng đến những thiết bị tối tân hơn để khám phá thiên nhiên. Trái lại trong hình thức tiếp cận bằng quán tưởng, thiết bị duy nhất là tâm. Hành giả quan sát những tư tưởng của mình được đan kết lại cùng nhau như thế nào và dính mắc vào y ra sao. Y khảo sát cái cơ chế vận hành của hạnh phúc và đau khổ để từ đó cố gắng khám phá ra những tiến trình tâm linh nhằm nâng cao sự an bình nội tâm, làm cho cõi lòng mình rộng mở hơn đối với tha nhân để giúp họ cùng phát triển, cũng như từ đó thấy rõ được những tiến trình gây ra những hệ quả độc hại để loại bỏ chúng. Khoa học cung cấp cho ta những dữ kiện, nhưng không mang lại sự tiến bộ tâm linh và chuyển hóa. Trái lại sự tiếp cận tâm linh hay quán tưởng chắc chắn phải đưa ta đến một sự chuyển hóa bản thân sâu sắc trong các thế mà chúng ta nhận thức về thế giới để dẫn đến hành động. Hành giả Phật giáo một khi nhận thức rằng vật thể không hề có hiện hữu tự thân sẽ giảm thiểu sự dính mắc vào chúng, từ đó giảm bớt khổ đau. Nhà khoa học, với cùng một nhận thức như thế, sẽ xoa tay hài lòng, xem đó như là một tiến bộ tri thức hầu sử dụng vào những công trình nghiên cứu khác, sự khám phá này không hề làm thay đổi thị kiến cơ bản của y đối với thế giới và cách thức mà y hưởng dẫn đời sống của mình.

VỀ NGOẠI CẢM VÀ CÔI ÂM

Tiền sĩ - Đại đức Thích Nhật Từ

Kính thưa Giáo sư Đào Vọng Đức, cùng tất cả các nhà nghiên cứu khoa học.

Kính thưa chư Tôn đức Thượng tọa, các nhà Ngoại cảm và tất cả quý Đại biểu

Chúng tôi chân thành cảm ơn Trung tâm Nghiên cứu Tiềm Năng Con Người đã tổ chức Hội thảo lần đầu tiên tại Miền Nam, TP.Hồ Chí Minh. Đây là nhịp cầu giao lưu rất triển vọng giữa các nhà ngoại cảm và các nhà Phật học về vấn đề này. Năm 2008 khi chúng tôi gặp Giáo sư Đào Vọng Đức tại Hà Nội cũng đã bày tỏ nguyện vọng đó. Chúng tôi chân thành cảm ơn TTNCTNCN (Trung Tâm Nghiên cứu Tiềm Năng Con Người) là bởi vì nếu như không có những người đi đầu về lĩnh vực này thì có lẽ năng lực đặc biệt của nhà ngoại cảm sẽ không được chính thức thừa nhận như Giáo sư Nguyễn Đình Phư đã nói trong buổi sáng nay.

Thành quả rất lớn của ngành nghiên cứu này thông qua khả năng thấu thính và thấu thị của các nhà ngoại cảm đã làm cho các vấn đề sau đây khép lại từ góc độ khoa học.

Thứ nhất, vấn đề đạo đức thông qua niềm tin có đời sau hay không. Chủ nghĩa Mác - Lênin trong rất nhiều năm vừa qua cho rằng sau khi chết là hết, bởi vì nghĩ rằng sự hiện hữu của đời sống con người có nguồn gốc từ vật

chất và ý thức cũng là hình thái vật chất trở về nguyên lý đất, nước, gió, lửa. Do vậy, không có sự tiếp nối về sau.

Hơn 26 thế kỷ về trước đức Phật Thích Ca người khai sáng ra đạo Phật đã xác định rất rõ về đời sống là đường thẳng không có điểm bắt đầu và cũng không có điểm kết thúc. Bài kinh Bát Nhã Tâm Kinh mà Giáo sư Đào Vọng Đức trích dẫn "Chư Pháp bất sanh bất diệt" nghĩa là mọi sự vật hiện tượng không tự nó sanh ra mà không tự nó mất đi vĩnh viễn, mà nó chuyển biến từ dạng này sang dạng khác theo hình thức cộng nghiệp hay biệt nghiệp. Ta có thể ngầm hiểu tương đương với định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của các nhà khoa học Phương Tây trong những thế kỷ gần đây.

Khi cho rằng chết là hết thì ý thức trách nhiệm về hành vi đạo đức khó có thể thực hiện. Trong giai đoạn này đạo đức có thể thực hiện nhưng ở giai đoạn khác chỉ thực hiện ở mức độ ít hơn và có thể không thực hiện trong tình huống bị sức ép, cảm dỗ... Dẫn đến mất đi sự kiểm soát lương tâm.

Cho nên việc tin có đời sau, mà hình thức phổ thông nhất mà chúng ta đang đầu tư đó là chứng minh có sự hiện hữu của các linh hồn là điều rất quan trọng cho đời sống đạo đức theo quan điểm Phật học. Giả thiết rằng dù cho đời sau không có đi nữa hay kiếp sống của các linh hồn không có đi nữa, mà việc tin là có chúng vẫn có lợi

ích rất nhiều cho hành vi đạo đức của chúng ta. Cho nên kết quả về sự đóng góp của các nhà ngoại cảm và TTNCTNCN là làm thay đổi về nhận thức giữa các nhà Triết học Mác - Lênin về vấn đề này. Trong bối cảnh phát triển về đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của Việt Nam thì những kiến thức như thế vô cùng có ý nghĩa, và mở ra rất nhiều tiềm năng về sau này.

Thứ hai, giá trị đóng góp của Bộ môn và những minh chứng về góc độ khoa học sẽ làm cho những người tu học Phật sẽ thấy được vấn đề rõ ràng hơn. Bởi vì ngôn ngữ Phật học vào thời điểm đó dưới tác động chung của môi trường về phương diện Phật học, trong khi khoa học chưa được phát triển thì dù cho đức Phật có muốn trình bày những vấn đề mà ngày nay chúng ta phân tích thì quần chúng cũng không hiểu được. Ngày nay ngôn ngữ khoa học sẽ giúp chúng ta hiểu vấn đề rõ hơn mà các nhà khoa học đã trình bày dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong buổi sáng các nhà nghiên cứu đã trình bày dưới nhiều góc độ khác nhau. Chúng tôi tin rằng mỗi góc độ đóng vai trò rất quan trọng để hiểu vấn đề này một cách có hệ thống hơn. Vừa rồi nhà nghiên cứu Giác Hải đã trình bày các vòng tròn năng lượng để chứng minh nó như là sự hiện hữu của các vong hồn.

Khả năng đặc biệt của các nhà ngoại cảm trong việc tìm hài cốt của các liệt sĩ và rộng hơn nữa là hài cốt của

người quá cố bị thất lạc không còn là một vấn đề tranh luận nữa. Trong một năm trở lại đây, việc tìm xác ẩn tượng nhất đó là ở Côn Đảo - Phú Quốc đã tìm được hơn 1.400 hài cốt, trong khi đó trước đây các cấp của Chính phủ đã dùng nhiều phương tiện nhưng chỉ tìm được hơn 600 hài cốt. Sau đại lễ cầu siêu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam và sự góp sức của nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng và bà Năm Nghĩa, một bên có khả năng thấu thị làm công việc thay thế kiểm định (AND) và một bên có khả năng thấu thính và mạch bảo kết quả là đã tìm ra hơn 1500 hài cốt mới. Sự phối hợp nối kết giữa các nhà ngoại cảm và các nhà tâm linh Phật giáo làm lễ cầu siêu hài cốt ở Côn Đảo và các tỉnh thành khác nhau nơi đã từng chứng kiến và diễn ra trong nhiều tháng vừa qua. Sự phối hợp này chúng tôi tin rằng sẽ thành công hơn là làm đơn điệu một phía như trước đây chúng ta đã từng làm.

Sự khác nhau giữa khái niệm tâm linh trong ngành ngoại cảm và tâm linh trong ngành Phật học.

Mặc định về khái niệm tâm linh trong ngoại cảm là chỉ cho linh hồn hay sự sống của linh hồn sau khi chết do hết nghiệp về tuổi thọ hoặc do nghịch cảnh tác động làm cho nghiệp tuổi thọ vẫn còn nhưng sự sống đã đến dấu ấn cuối cùng của cuộc đời để kết nối tiếp cho sự sống ở đời tái sinh. Trong khi đó khái niệm tâm linh trong Phật học được hiểu là tiến trình chuyển hóa tâm thức khi con người

đang còn sống. Trong con người có hai khuynh hướng với nhiều năng lượng hạt giống tiêu cực, tích cực, thiện ác, tốt xấu... nó tạo ra sự phân hồi hạnh phúc hay khổ đau ở đời này và đời sau của bản thân và ảnh hưởng đến tha nhân. Do vậy, người đạt được trình độ tâm linh là người huấn luyện tâm thức làm chủ các giác quan, làm chủ được dòng cảm xúc, xử lý các tình huống thuận và nghịch cũng như mọi biến cố thăng trầm vinh nhục trong cuộc đời xảy ra đều không làm cho người đó bị khổ đau như những người thiếu kỹ năng huấn luyện cảm xúc. Trong khi đó khái niệm "linh hồn" như các nhà ngoại cảm sử dụng thì trong Phật học không sử dụng khái niệm này, mà dùng hai khái niệm khác và được dịch có nghĩa tương đương đó là vong linh và ngạ quỷ.

Sở dĩ các nhà Phật học từ Trung Quốc cho đến Việt Nam không sử dụng khái niệm linh hồn là bởi vì dễ bị đánh đồng với nền văn hóa và tôn giáo của Phương Tây, mà nó có ý nghĩa rất khác với văn hóa Phật giáo. Bởi vì linh hồn được quan niệm trong bối cảnh các nền văn hóa Phương Tây đặc biệt là Ai Cập được hiểu là một thực thể thường hằng bất biến và Nho giáo cũng ảnh hưởng từ nền văn hóa này qua câu nói "sanh ký, tử qui" nghĩa là sống gửi tạm thời, thác (chết) về vĩnh hằng ở cõi âm. Khi nghĩ rằng linh hồn sống trong cảnh giới là cõi âm vĩnh hằng, cho nên các vua Pha-rao đã tạo các kim tự tháp nguy nga

tráng lệ khi họ qua đời, đều có cung tần mỹ nữ, vàng ngọc châu báu đều chôn theo để được tiếp tục hưởng thụ ở cõi âm. Người Trung Quốc có sự cách tân từ nền văn hóa Ai Cập nếu không nói là sự kế thừa đó là thay vì chôn người sống thì họ làm hình nộm, thay vì chôn vàng thật thì họ làm vàng mã, thay vì làm nhà cửa thật như kim tự tháp thì họ làm những ngôi nhà bằng giấy vàng mã tượng trưng... đốt chôn theo người chết tạo ra mối giao hòa giữa người sống với người chết như còn đang sống thưở hôm nào.

Như vậy, dùng khái niệm vong linh, hay hương linh trong thuật ngữ Phật học tương đương với từ tâm linh trong lĩnh vực ngoại cảm. Còn khái niệm ngạ quỷ có ý nghĩa xác thực hơn, vì theo đức Phật, tất cả những người chết vì lý do nào đó mà họ chưa siêu thoát thì họ sẽ đói khát rất nhiều bao gồm: đói khát về các giác quan, đói khát cảm xúc, hưởng thụ, thẩm mỹ, tình thương, quan hệ xã hội... đói khát về tất cả các thói quen mà họ từng có khi còn sống không chỉ ở kiếp sống này mà còn nhiều kiếp sống về trước nữa. Danh từ Phật học gọi là quỷ đói, ma đói, đồng nghĩa nhau, khác với danh từ ma và quỷ sử dụng trong phim Kinh Dị của Hollywood (ma thì nhiều hơn quỷ). Theo Phật giáo ma quỷ đói khát như vừa nêu là đối tượng rất đáng thương, cho nên trong Phật giáo kêu gọi chúng ta giúp đỡ họ để siêu thoát.

Bản chất về cảnh giới sự sống mà đạo Phật gọi là Pháp giới

Theo Phật học được nêu ra hay còn gọi là cừu thú (cảnh giới). Sau khi đức Phật qua đời khoảng 400 năm trở đi thì cảnh giới sống thứ 6 được vay mượn từ nền văn học Bà - la - môn giáo đó là địa ngục, Năm cảnh giới đó là: Thiên, Nhơn (con người), Atula, Nga quý và súc sinh. Thiên là con người sống ngoài hành tinh có phước báu về ngoại hình, phước báu về tuổi thọ, phước báu về khoa học, phước báu về môi trường và xã hội không có chiến tranh, như con người trong hành tinh của chúng ta. Atula cũng là một ngoại hình con người ngoài hành tinh nhưng bản chất nếu là người nam thì hay sân si, và giải quyết các vấn đề xung đột bằng bạo lực và vũ trang, do đó ngoại hình của họ rất xấu. Như vậy có tối thiểu ba hình thái tồn tại đó là: trời (Chư thiên), người và atula ở các hành tinh khác nhau.

Cảnh giới thấp hơn là các loài động vật (có kinh gọi là loài bàng sinh) có cấu trúc xương nằm ngang, mà theo Phật học loài nào có cấu trúc xương sống ngang thì không phát triển trí não, con người có cấu trúc xương sống thẳng đi bằng hai chân cho nên phát triển chất xám, nhờ có bàn tay và ngôn ngữ cho nên sự truyền thông tri thức và kinh nghiệm... một cách dễ dàng, do vậy con người có khả năng chinh phục được thiên nhiên.

Thông thường đối với những người qua đời do hết

dịch, tai nạn giao thông, rủi ro trong lao động, hoặc do uống nhầm thuốc ... gọi là chết bất đắc kỳ tử (chết hoạnh tử là nói theo ngôn ngữ kinh Dược Sư) sẽ làm cho nhiều người không siêu thoát được. Chư thiên, Atula, con người cũng có loại ngã quý riêng và các loài động vật sau khi chết, nếu không được huấn luyện đặc biệt thì phần lớn sau khi chết chúng sẽ rơi vào loài ngã quý.

Khi xác định có cảnh giới sống khác nhau giữa con người và các loài động vật và sau khi chết không buông bỏ được những duyên tiếc bao gồm: về tình yêu vợ chồng con cái, tình thương và trách nhiệm, tài sản gia đình sự nghiệp, những dự án kế hoạch đang còn dở dang, sự hận thù oan ức và những tiếc nuối khác về phương diện tâm - vật lý. Nếu bất cứ một chủng loại sinh vật hay con người nào mà còn lưu luyện những thứ đó sau khi tắt thở họ sẽ còn lặn quẩn trong 3 phạm: 1. Nơi xảy ra cái chết hoặc trên không, hoặc dưới nước hoặc trên bờ. 2. Vài số người lặn quẩn ở những nơi mà họ có những kinh nghiệm hạnh phúc đối với họ, ví dụ cái bàn làm việc, cái giường ngủ, cái nhà bếp (đối với phụ nữ), hoặc những nơi họ thích đi du lịch. 3. Có một số người lặn quẩn ở mộ huyệt nơi chôn hài cốt. Do đó sự bám víu vào những cái họ thích sẽ là một trở ngại cho tiến trình tái sinh. Theo Phật học cơ thể con người được cấu tạo bởi 4 yếu tố: đất (chất rắn), nước (chất lỏng), gió (chất khí), lửa (chất nhiệt). Sự có mặt trên cuộc đời của

con người thì khuynh hướng tâm lý đánh đồng bốn yếu tố trên là chính mình, thông qua sự bảo hộ của luật pháp, thông qua thói quen môi trường giao tế và những sinh hoạt cộng đồng xã hội, do vậy sau khi chết tâm lý cảm xúc con người có khuynh hướng bám vào thi thể hài cốt vì họ xem thi thể đó là chính họ. Sự bám víu ấy ở mức độ nghiêm trọng hơn là tại địa điểm xảy ra mà họ có những kinh nghiệm hạnh phúc rất nhiều. Để giúp cho các hương linh thoát khỏi cảnh đói khát về các phương diện tâm - vật lý thì chúng ta phải tìm ra các nguyên nhân và những bế tắc tâm lý trước khi cái chết diễn ra đối với họ trong từng tình huống là gì. Khi giải phóng các bế tắc, ức chế tâm lý đó thì việc siêu thoát mới đảm bảo ở mức độ khá cao.

Phật giáo chủ trương rằng một hữu thể hiện hữu dù là con người hay các loài động vật ở hành tinh này hay hành tinh khác thì phải có sự tổng hòa giữa thân (sinh lý) và tâm (tâm lý). Phần thân vật lý đóng vai trò khá quan trọng vì nếu không có nó thì chức năng của tâm có thể vô hiệu hóa đáng kể, nếu như một người nào đó phát triển tâm một cách tuyệt đối thì dẫn đến tình huống rơi vào thái cực mà ảnh hưởng tiêu cực không phải là ít.

Nếu quá xem trọng về tâm thì rơi vào tình huống bệnh tâm thần, tâm không phát huy được, hoặc ngược lại nếu có sự tiếc nuối trước cái chết bám víu vào thi thể trong

kinh thực vật hoạt động, do đó cơ thể có thể tồn tại kéo dài vài ba tháng, vài ba năm tùy theo phước báu về tuổi thọ và tùy theo năng lực của sự tiếc nuối và kết hợp với gien di truyền về sức khỏe đặc biệt của người này mà người khác không có được. Ba yếu tố đó tạo ra tình trạng kéo dài mạng sống dưới hoạt động của hệ thần kinh thực vật mà thôi. **Do đó chúng tôi đặt ra giả thiết rằng phải chăng nó là phản ứng quang học dưới ánh sáng tốc độ và kỹ thuật máy móc thì nó tạo ra những vòng mạch vòng tròn,** nhưng với cái máy chế tạo dưới kỹ thuật của hãng khác thì nó không tạo ra công thức giống nhau, nếu nó là hiện thực thì các máy khác nhau này phải ghi nhận những ảnh giống nhau chẳng hạn như máy quay phim video cũng ghi nhận các hình ảnh hương linh (ngoài các máy chuyên nghiệp nghiên cứu) để đối chiếu ở mức độ tương đối chuẩn xác hơn, và rút ra những kết luận ghi nhận về hình ảnh của các hương linh là có thật chuẩn xác ở mức độ nào. Đây là một nghiên cứu khá thú vị.

Trước khi dứt lời, chúng tôi chân thành kính chúc tất cả quý Đại biểu được an lành và tiếp tục sứ mệnh chứng minh về sự tồn tại của các hương linh bằng góc độ khoa học dưới nhiều kỹ thuật ngành nghề khoa học. Khi làm được có kết quả là đang giải mã được vấn đề những khủng hoảng của xã hội, mà mấu chốt của nó là sự sút kém về đạo đức.

Theo chúng tôi từ phương diện Phật học về vấn đề kiếp sau, tái sinh và vấn đề cho rằng cái chết là hết hay còn, có mối liên hệ mật thiết với đạo đức của con người, giải quyết được vấn đề nhận thức luận này cũng có nghĩa là chúng ta thặng hoa vấn đề đạo đức cho con người. Do đó sự nghiên cứu này sẽ đóng góp cho sự phát triển của đất nước Việt Nam và nhân loại nói chung.

Chân thành cảm ơn.

TP, HCM, ngày 20 tháng 9 năm 2009

- ĐĐ. Tiến sĩ Thích Nhật Từ

- Phó Viện trưởng Học Viện Phật Giáo VN tại TP.HCM
- Phó ban Hoằng pháp Trung Ương GHPGVN.
- Giám đốc Công ty TNHH Đạo Phật Ngày Nay
- Trụ trì chùa Giác Ngộ.

TÁM CHỮ HÀ LẠC: HUYỀN BÍ VÀ LÝ GIẢI

Xuân Cang (nhà văn)

Bên cạnh các phép toán Dự đoán học của phương Đông như Tử Vi, Tử Trạ, Bốc Phệ còn có môn toán Tám chữ Hà Lạc (còn gọi Bát tự Hà Lạc), có khả năng vạch ra và dự báo những bước đường đời của một con người và chỉ dẫn cho con người những cách xử thế tối ưu để thành đạt, hoặc ít ra biết chủ động trước những gian trên, những hiểm họa không tránh được trên một quỹ đạo đời người. Một thành tựu của nền văn hóa phương Đông mà nhiều người chúng ta còn chưa biết tới.

Tám chữ Hà Lạc (TCHL) còn gọi là Bát Tự Hà Lạc là một thuật toán mà đề toán ra chỉ gồm có tám chữ thuộc Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh tính theo Lịch Can Chi của một người cụ thể, cuối cùng cho lời giải về toàn bộ quỹ đạo cuộc đời của người đó, từng chặng đường đời, cho tới năm, tháng, ngày, giờ.

Thuật toán TCHL nguyên gốc lấy ở sách *Hà Lạc Lý Số* của tổ sư Trần Đoàn tức Trần Hy Di tiên sinh, đời nhà Tống, được nhà nghiên cứu Học Năng ở nước ta lần đầu tiên dịch và biên soạn. tên sách là *Bát Tự Hà Lạc học khảo* phát hành tại Sài Gòn năm 1974. Trần Đoàn cũng đồng thời là tổ sư của môn toán Tử Vi rất thịnh hành ở nước ta. Khác với toán Tử Vi dự đoán trên cơ sở lập một đồ bản gồm 12 cung và 108 ngôi sao, toán Hà Lạc có một

chức thức riêng dựa trên cơ sở những ¹mà số Hà Lạc và 64 quẻ Kinh Dịch và 384 hào. Số Hà Lạc là hai hệ thống số học phản ánh những Quy luật của Trời và Đất giao hội với Quy luật sự sống Con Người, được sắp xếp trong hai biểu Hà Đồ và Lạc thư. Sở dĩ môn toán Hà Lạc không được phổ biến ở nước ta, đơn giản chỉ vì trong nhiều năm qua, Kinh Dịch chưa có điều kiện phổ biến rộng rãi. 64 quẻ dịch và các triết lý, các hình thức biểu hiện và cơ chế vận hành của chúng còn là một điều xa lạ với công chúng, mặt khác còn bị những hình thức mê tín làm cho bị xuyên tạc. Nay trong thời kỳ Đổi mới, nhiều loại sách về khoa học Phương Đông trong đó rất nhiều sách Kinh Dịch đã được giới thiệu với bạn đọc. Một bộ phận lớn công chúng đã làm quen với các quẻ Dịch và suy ngẫm về nội dung triết học cũng như khả năng Dự đoán học của chúng.

Tôi quan tâm đến thuật toán này, thoát tiên chỉ là tò mò. Nhưng sau khi làm thử khoảng một trăm bài toán cho bản thân, gia đình và bạn bè thì tôi đi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác về khả năng ứng nghiệm kỳ diệu của nó. Sự ứng nghiệm đến mức nó có thể cho ta biết về các thời vận thăng trầm, thái bĩ, phát triển hay bế tắc, hanh thông hay rủi ro của mỗi cá nhân và được khuyến cáo có thể làm gì để giành lấy sự tối ưu của con người trong quy luật chung của Trời Đất, cho từng chặng đường đời, từng năm, tháng, cho đến từng ngày.

Cuốn sách viết về thuật toán Hà Lạc của tôi, tên gọi *Tám Chữ Hà Lạc và Quy đạo đời người* do NX xuất bản Văn Hóa Thông Tin phát hành năm 2000, tái bản năm 2004 chỉ là sách hướng dẫn làm toán dựa theo sách *Bát Tự Hòa Lạc lược khảo của Học Năng*. Có giới thiệu thêm 11 chân dung nhà văn để *đối chiếu bài toán với thực tế đời người*, giúp bạn đọc đánh giá được sự ứng nghiệm của môn toán là sự thật. Môn toán ứng nghiệm với tất cả mọi người, nhưng tôi chọn các nhà văn làm ví dụ, vì cuộc đời nhà văn, và tác phẩm văn chương đều đã được công bố, ai cũng có thể kiểm chứng được.

Nhưng đến cuốn sách *Khám phá một tia sáng văn hóa phương Đông* do Nhà xuất bản Văn Học và nhà sách Thái Anh (TP Hồ Chí Minh) phát hành năm 2009 thì môn Toán Hà Lạc đã được minh định, sửa đổi, bổ sung tiến lên một bước mới.

Khác với lần xuất bản tái bản trước, ngoài những đổi mới trong phần trình bày công thức thuật toán và nội dung giải đoán, tôi còn soi ngọn đèn văn hóa phương Đông, phác thảo chân dung 32 nhà văn dưới ánh sáng Kinh dịch. Và cũng khác với trước, với 32 chân dung này, không chỉ để ứng dụng thuật toán vào thực tế đời sống, tôi còn mong muốn *khám phá một phương pháp Kinh Dịch trong phê bình văn học*. Tôi không biết đây có phải một hiện tượng gọi là “đặc biệt” không, nhưng quả thật tôi thấy phương pháp phê bình văn học dưới ánh sáng Kinh Dịch

chưa xuất hiện ở nước ta, và cũng chưa có thông tin về một cái gì như thế ở các nước đang thịnh hành Kinh Dịch.

Sau đây là những điều tâm đắc nhất.

1. Cấu trúc Kinh Dịch và dấu ấn văn chương.

Nhà văn cũng như tất cả mọi người sinh ra vào một thời điểm nào đó đều mang trong mình một Cấu Trúc Kinh Dịch, còn gọi là Cấu trúc Hà Lạc nhờ vào phép toán Hà Lạc mà tìm ra. Người xưa đã khám phá ra rằng cái giờ khắc con người lọt lòng mẹ bao gồm năm, tháng, ngày, giờ sinh - theo Lịch Can Chi - có tác động xuyên suốt cả đời người, nó quyết định những bước đường đời, ranh giới và biên độ hành lang đường đời, những cảm xúc tự nhiên, thiên hướng con người, những vinh quang và hiểm họa con người sẽ có thể trải qua. Tại sao có sự ứng nghiệm lạ lùng thế? Còn nhiều điều huyền bí chưa làm sáng tỏ được. Chỉ có thể biết rằng cái giờ khắc con người ra đời là thời điểm con người tiếp cận với giới đất, với tiết khí, ánh sáng, ngày đêm, nóng, lạnh, không gian, không khí, từ trường giao thoa trong một trường sinh học, tạo ra một thể tâm linh, một đời sống tâm hồn ... tất cả những yếu tố đó xâm nhập mạnh mẽ vào cơ thể người, cùng với yếu tố di truyền học, tạo nên thể chất người, khí chất người, tính cách người, và những tính chất này sẽ đi với con người và chi phối con người đến tận cùng cuộc đời, theo một nhịp điệu có tính chu kỳ, chung cho cả vũ trụ, trái đất và con người (theo nhà nghiên cứu Phạm Lưu Vũ, trên mạng). Chính

nhờ học thuyết Can Chi, âm dương ngũ hành đã khái quát được tính chu kỳ này mà thành Dự đoán học cho thấy: Với khí chất và tính cách nào, con người sẽ sống theo một nhịp điệu và trong một biên độ như thế, môi trường và hoàn cảnh xã hội, thời đại có thể tác động làm thành những diễn biến và thử thách khác nhau (Phạm Lưu Vũ gọi là sai số), nhưng sắc thái hành vi thì vẫn không ra khỏi những biểu hiện đã được khái quát trong các quẻ Dịch. Bởi vì đó là những gì khái quát được qua những trải nghiệm của con người trong nhiều nghìn năm, được các thánh nhân đúc kết lại. Đó là những điều chúng ta có thể hiểu được và thấy như vậy là hợp lý.

Trong cuốn sách này, nhờ phép toán Hà Lạc, tôi đã ứng dụng Cấu trúc Kinh Dịch dành cho mỗi người để tìm ra hành trình và cấu trúc tác phẩm của 32 nhà văn quen biết, bạn đọc hoàn toàn có thể kiểm chứng được qua những gì đã công bố về cuộc đời của họ hoặc những gì thuộc về Niên biểu và đặc biệt qua các tác phẩm văn học của họ. Vì sao có thể làm được như vậy? Nhà văn cũng như mọi người có số phận của mình, nhưng khác với mọi người, hầu như toàn bộ cái hành lang và hành trình số phận ấy hiện lên như khắc, như vẽ trên hành trình văn học và trong tác phẩm của mỗi người. Bởi vì, ngôn ngữ văn chương (suy rộng ra là ngôn ngữ nghệ thuật) chính là ngôn ngữ đời người. Văn là Người. Nhà văn đích thực không thể giấu được mình. Tôi rất đồng tình với ý kiến

của TS Nguyễn Thị Minh Thái (phát biểu trên báo Lao động) cho rằng công việc đầu tiên và cao quý, cũng là bản chất của phê bình văn học là tìm hiểu, phát hiện và thông cảm với nhà văn. Nhờ có phép toán Hà Lạc tìm ra cấu trúc Kinh Dịch dành riêng cho mỗi nhà văn, nhà phê bình có thể nhanh chóng phát hiện ra cái dấu ấn văn chương của mỗi người. Đặc biệt là tác phẩm phản ánh cái mệnh người, tôi gọi là tác phẩm mệnh. Không phải tất cả các tác phẩm của nhà văn đều là tác phẩm mệnh. Chỉ có một số tác phẩm hình thành trong những giờ phút xuất thần, nói vui là do giờ đất xui khiến, những hình tượng văn học được khai mở từ cấu trúc Kinh Dịch của nhà văn, mới thuộc về Mệnh. Và thường đó là tác phẩm hay nhất của mỗi người. Nhà phê bình nhờ biết rõ ngày giờ sinh, lại nắm được phép toán Hà Lạc, tìm ra cấu trúc Kinh Dịch của mỗi tác giả có thể chỉ ra được tác phẩm mệnh của nhà văn đọc thấy những bài thơ mệnh câu thơ mệnh của nhà thơ. Nhiều khi Tác phẩm đó chính là tác phẩm chiếm được cảm tình của bạn đọc, nhưng cũng nhiều khi nó ẩn giấu nó chỉ hiện ra dưới con mắt xanh của phương pháp phê bình Kinh Dịch. Từ đó gọi ra rằng nếu mỗi nhà văn trẻ thời nay biết rõ Cấu trúc Kinh Dịch giờ đất dành cho mình, hoàn toàn có thể tự điều chỉnh hành trình văn chương, cống hiến cho đời tinh hoa của mình vào những thời kỳ sinh vượng của mình.

2. Biểu tượng thiên nhiên trên hành lang văn học.

Kinh dịch, trên cơ sở tổng kết những suy ngẫm nhiều thế

kỷ của những cộng đồng người ở Phương Đông, phát minh ra *Tám quẻ Dịch đơn* là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, sau đó liên kết chúng với nhau thành *Sáu mươi tư quẻ kép* để phản ánh sự vận hành của vũ trụ và con người. Lại sử dụng *tám biểu tượng thiên nhiên* là Trời, Nước, Núi, Sấm, Gió, Lửa, Đất, Đầm gắn với tám quẻ Dịch đơn để giải thích ý nghĩa từng quẻ. Có nghĩa là mượn cái hữu hình là tượng thiên nhiên để làm sáng tỏ cái vô hình là khái niệm quẻ. Phép toán Hà Lạc căn cứ vào Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh tìm ra cho mỗi đời người có một cấu trúc tượng tiềm ẩn trong mỗi đời người, cho biết tổ chất thiên nhiên nào liên kết với nhau đi vào sự sống, tạo nên khí chất, tính cách, tình cảm của mỗi người. Những yếu tố đó sẽ chi phối thiên hướng sống, lối sống, cảm xúc nghề nghiệp, hành vi ứng xử, hành trình và hành lang sự sống của mỗi người, là cái mà ta vẫn thường gọi là số phận. Đối với nhà văn đích thực thì nó hiện lên trong hành trình và hành lang văn chương, trong thiên sứ, thiên hướng và bản sắc văn chương, ta vẫn gọi là cái tạng, trong những áng văn tiêu biểu của từng người. Cái dấu ấn đầu tiên của cấu trúc Kinh Dịch nổi bật trong văn chương mỗi người là Tượng thiên nhiên. Nhà văn đầu tiên cho tôi phám phá ra điều ấy là Nguyễn Ngọc. Cấu trúc Kinh Dịch của ông có tượng thiên nhiên là Đất, Gió (Cũng hiểu là cây), Nước. Thế thì tác phẩm của ông là Đất Nước Đứng Lên, Mạch Nước Ngâm, Rừng Xà Nu, Rẻo Cao, Đất Quảng, Mùa Hoa Thuộc Phiện Cuối Cùng... Ngay những cái tên truyện

cũng thâm đắm cảm xúc về Đất, Cây, Nước. Cấu trúc Tân Đà là Núi, Nước. Không biết cái gì xui khiến ông lấy tên núi Tân sông Đà làm bút danh Tân Đà. Tác phẩm mệnh của ông là bài thơ Thề Non Nước, cũng là tác phẩm đề đời của ông. Cấu trúc Tô Hoài là Đầm, Cây. ngay đến cái tên cha mẹ đặt cho ông cũng là Sen, một loại cây trong đầm. Tác phẩm mệnh, đề đời của ông là Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, nhân vật là những dân cư trong đầm: dế mèn, châu chấu voi, cò, cóc, sêu, vạc, ếch cốm, nhái bén... có khi tượng thiên nhiên không lộ ra như những trường hợp trên, mà ẩn giấu trong hình tượng nhân vật. Cha Mirien trong *Những Người khốn khổ* của Victo Huygo là trường hợp như thế. Nhà văn Victo Huygo sinh ngày 26/2/1802 lúc 10 giờ 30 phút đêm (theo Alanh Đờcô), tính theo lịch Can Chi tương ứng, cấu trúc Hà Lạc của ông có tượng thiên nhiên là Đất, Núi, Sấm và Nước. Tác phẩm mệnh của ông là *Những Người Khốn Khổ* hoàn thành trong 30 năm. Ông mở đầu cuốn tiểu thuyết bằng việc miêu tả một nhân vật lý tưởng mà ảnh hưởng xuyên suốt tác phẩm: cha Mirien một ông già hiền hậu, nhu thuận, thương người và bao dung... Thương người và bao dung đến mức cho người tù khổ sai Giăngvangiăng đến nhà trú ẩn, đêm anh ta lên đi còn mang theo bộ đồ bạc, khi cảnh sát bắt trở lại, cha Mirien bảo rằng chính là cha đã cho anh ta, còn cho thêm hai cái chân đèn bằng bạc. Đó là những tính cách và phẩm chất trùng hợp với tất cả những gì Kinh Dịch đã khái quát bằng quẻ Khôn, tượng là Đất.

Ngoài dấu ấn của tám tượng thiên nhiên đơn lẻ, còn dấu ấn của những cấu trúc tượng đi vào đời sống văn chương giúp nhà phê bình tiếp cận và khám phá nhà văn ở một cung bậc cao hơn. Và như vậy đi cùng với 64 quẻ kép có 64 cấu trúc tượng thiên nhiên. Cấu trúc tượng của Nguyễn Hiền Lê và Trần Đăng Khoa là gió lướt trên Đất (Phong Địa Quán), người xưa khám phá ra nó có ý nghĩa là Quan, còn đọc là Quán. Quan là Thấy và suy ngẫm. Quán là làm cho thấy. Người xưa bảo rằng người có quẻ Quán có (cấu trúc) tượng làn gió đi trên mặt đất là người giàu khả năng quan sát, người quân tử coi tượng này mà (bất chước thiên nhiên) đi quan sát, kiểm tra các địa phương, xem xét dân tình, để định ra phép tắc giáo hóa nhân dân. Ở đây hai người cùng một quẻ Phong Địa Quán, hai sự nghiệp phát triển khác nhau, một người trở thành học giả, một người là nhà thơ, nhưng quả nhiên họ đều có chung một thiên bẩm là cái tài quan sát và suy ngẫm. Vì là làn gió đi trên mặt đất, ta sẽ thấy hành trình văn chương của họ trải rộng trên nhiều bình diện, cứ coi danh mục tác phẩm của Nguyễn Hiền Lê thì rõ, đa dạng và phong phú khác thường. Còn Trần Đăng Khoa thì cũng đang bộc lộ một cái gì như thế.

Cùng với tượng quẻ còn có tượng hào, Hào là một vạch âm hoặc dương nằm trong quẻ. Mỗi quẻ có 6 vạch âm hoặc dương, 64 quẻ là 384 hào, được gọi tên theo thứ tự từ dưới lên, hào 1 ở dưới cùng, hào 6 trên cùng mỗi quẻ.

Tượng hào là một sắc thái ở cấu trúc tượng thiên nhiên, phản ánh nét đặc trưng về thời, vị thế và hoàn cảnh cụ thể của một đời người hoặc một chặng đường đời. Nếu cấu trúc tượng của nhà văn cho ta thấy thiên sứ văn chương thì tượng hào cho ta thấy tâm vóc, tính cách nhà văn, và những bước thăng trầm trong đời sống văn chương. Nhà thơ Bằng Việt cũng có cấu trúc Phong Địa Quán như Nguyễn Hiến Lê và Trần Đăng Khoa, họ cùng có thiên sứ văn chương là quan sát và suy ngẫm để tìm cách mở mang tâm hồn người (người xưa gọi là giáo hóa dân). Nhưng nếu chủ mệnh của Nguyễn và Trần là hào 4 quẻ Quán bảo rằng họ sinh ra vào cái giờ khắc để làm người quan sát vẻ đẹp của đất nước trên tư thế của bậc phụ tá cho nguyên thủ, thì của Bằng Việt là hào 2 bảo rằng thơ của ông giống như người gái trinh thâm lặng ngắm người mình ao ước và yêu quý để mà mơ mộng, để mà noi theo. Bài thơ Bếp Lửa (nhớ về bà nội) và loạt bài dịch thơ của Pablô Nêruđa, Puskin, Stvetaieva chính là như vậy.

3. Thời của nhà văn

Người xưa nói: Toàn bộ Kinh Dịch suy cho cùng tóm lại chờ một chữ Thời. Sự liên kết các biểu tượng thiên nhiên trong một cấu trúc kinh dịch của một đời người cho ta biết cái thời riêng của người ấy. Cấu trúc Kinh Dịch dành cho Tân Đà là Sơn Thủy Mông, cho biết thời của ông là thời Mông. Mông là mông muội, là thời của cái thur trời đất còn tăm tối, con người còn non nớt, cần được giáo

hóa. Đó là thời thơ ấu của loài người. Cũng có nghĩa sự mạng trời cho riêng ông là giáo hóa dân trong cõi mông lung, đen tối. Cần phân biệt thời riêng của con người, của nhà văn, với thời chung của đất nước, của cộng đồng. Cái thời riêng ấy mà gặp cái thời chung của cộng đồng, thì đó là thời cơ, như rồng gặp mây, lửa gặp gió. Tân Đà với thiên sứ thời Mông đã gặp đúng buổi giao thời đầu thế kỷ 20 ở nước ta, nhân dân mất nước, đang chìm trong đen tối, Âu, Á kim cô đan chen. Ông đã xuất hiện trên văn đàn như một "ánh chớp trong đêm thế kỷ".

Thời riêng của Tô Hoài là Trạch Phong Đại Quá. Đại Quá là Quá lớn. Trạch là đầm nước. Phong là gió, còn là Cây. Ông như cái cây quá lớn mọc trong đầm, gốc không vững thì cũng dễ đổ lắm. Nhưng tuổi trẻ của Tô Hoài gặp đúng thời Cách mạng Tháng Tám, khi vừa hoàn thành tác phẩm "mệnh" *Để mèn phiêu lưu ký*, nên cái quá lớn trở thành cái phi thường, ông đã có một sự nghiệp văn chương xuất chúng hơn 150 đầu sách.

Cấu trúc Kinh Dịch của Trần Đăng Khoa là Phong Địa Quán. Người quẻ quán là người giàu năng lực quan sát, nếu có ưu tiên năng lượng của trời đất, thì năng lực ấy phong phú khác thường. Trần Đăng Khoa có ưu tiên ấy, nên ở tuổi thần tiên, từ 7 đến 15, đúng vào cái thời người xưa bảo rằng xem mình như tấm gương để thấy vẻ sáng của nước, đã có thơ hay. Câu thơ *Tự mình làm nên bức tranh* (Khi mùa thu sang) là câu thơ mệnh của Trần Đăng

Khoa. *Góc sân và khoảng trời* tái bản trên 30 lần, là tác phẩm mệnh của nhà thơ này. *Góc sân* là từ tượng Đất trong quẻ đầu đời Phong Địa Quán, *Khoảng trời* là từ tượng trời trong quẻ cuối đôi Địa Thiên Thái của anh. Như vậy không phải ngẫu nhiên mà Trần Đăng Khoa có bài thơ trên, lại lấy tên bài thơ làm tên sách.

Có Thời còn có Vận. Vận là cái thời nhỏ trong cái thời lớn mang tên Thời. Một thời lớn trong Kinh Dịch có 6 thời nhỏ tức 6 vận gắn với 6 hào trong một quẻ Dịch. Như thời Bĩ là thời bế tắc, không thông thuận, có 6 vận bĩ: Hào 1 - Bĩ về cơ hội; hào 2 - Bĩ về thế lực; hào 3 - Bĩ đến cùng cực; hào 4 - Có cơ hội thất bĩ; hào 5 - Đến vận thoát bĩ; hào 6 - Bĩ sang Thái. Nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ sinh vào thời Bĩ, nhưng may mắn thuộc vào vận cuối thời Bĩ, *đánh đổ cái bĩ*, có nghĩa là bĩ sang thái. Tuy sang thái những thời bĩ còn chi phối đời sống tinh thần của nhà văn, nên tự nhiên mà Nguyễn Thị Thu Huệ trở thành "nhà văn của những vận bĩ" văn chương của chị là "niềm an ủi cho các thân phận bĩ", chỉ vẽ cho con người con đường thoát bĩ. Cũng như vậy, nhà nghiên cứu văn học Văn Tâm (Tâm Dương) sinh vào thời Tốn, nhưng vận của ông là cuối thời Tốn, tốn sang ích. Tuy sang ích, nhưng thời Tốn còn chi phối đời sống tinh thần của ông. Nên sự nghiệp nghiên cứu văn học của ông tự nhiên hướng vào những hiện tượng bị thương tổn trong đời sống văn chương, ông trở thành "Người rũ bụi đường trường văn học"

4. Thể và Dụng của nhà văn: Tôi hết sức kinh ngạc trước cấu trúc Thủy Sơn Kiến của nhà thơ Trần Nhuận Minh, Kiến là gian nan, vất vả, là thời gặp nạn, mà là giữa cuộc nạn, chẳng khác nào trước mặt là Nước hiểm, sau lưng là Núi ngăn, như người tưng ra trận mà sụp giữa vòng vây. Không thấy dấu ấn một nhà thơ tương lai nếu ta lần theo từng thời vận của đời anh. Nhưng Kinh Dịch cho ta biết bản thể của ta, còn cho biết cách ta vận dụng, tận dụng những gì là ưu thế dù nhỏ nhoi ở ngay giữa cuộc nạn ấy, rèn đức rèn tài mà vượt lên gây dựng thành sự nghiệp. Có bản thể còn có vận dụng, là người có trí, có lực, càng gian nan càng phải biết thông biến linh hoạt. Trần Nhuận Minh là một người như thế. Anh tìm thấy thơ giữa những người thời Kiến, anh thực hiện Tán đề Tu, chọn lọc những bài thơ tinh chất để lại cho đời, và tìm được bản sắc của mình. Cấu trúc Kinh Dịch của Nguyễn Hiến Lê và Trần Đăng Khoa giống hệt nhau, chỉ khác nhau ở chỗ Trần Đăng Khoa có ưu tiên năng lượng, còn Nguyễn Hiến Lê thì không. Trần Đăng Khoa còn thuận lợi hơn là vận hội riêng gặp vận hội chung của đất nước. Nhưng chính vì thế, tuy cùng một hành lang, một hành trình vận mệnh, mà Nguyễn Hiến Lê thông biến linh hoạt hơn. Gặp thời cơ là ông bỏ nghề công chánh để nghiên cứu và dạy học, theo nghiệp văn chương, sau lại bỏ dạy học để chuyên nghiên cứu, biên khảo và xuất bản. Đọc hồi ký Nguyễn Hiến Lê thấy rất rõ thế nào là Thể và Dụng đi đôi. Chính vì có Thể còn có Dụng, nên sự nghiệp văn hóa, văn học của Nguyễn

Hiền Lê càng về cuối đời càng rục rờ. Ông đã để lại cho đời hàng trăm đầu sách có giá trị.

Trong một bài viết, tôi có nói rằng nhà văn là một ảnh lập lánh trên vàng trán cộng đồng. Ta cũng sẽ thấy trong đời sống văn chương, nhiều nhà văn ta trở thành những gương sáng trong cái hành trình gọi là Dụng. Phương pháp Kinh Dịch trong phê bình văn học sẽ giúp cho bạn đọc tiếp cận với nhiều nhà văn như thế. Tôi cũng trộm nghĩ nếu các nhà nghiên cứu, phê bình văn học nắm được phép toán này thì có lợi biết bao, họ sẽ có điều kiện thâm nhập vào cái bản thể mà họ đang khám phá.

Tôi chưa đủ sức và thời giờ xây dựng một công trình lý luận hẳn hoi, nhưng cùng với tiểu luận *Thử khám phá một phương pháp Kinh Dịch trong phê bình văn học*, và tất cả những gì tôi phác thảo 32 chân dung nhà văn dưới ánh sáng Kinh Dịch công bố trong bộ sách *Khám phá một tia sáng văn hóa phương Đông* đã tiềm ẩn tất cả những yếu tố lý luận của phương pháp phê bình này, như về tính minh triết của phương pháp, về tính đặc thù, nội dung và hình thái, nhất là về phương pháp luận. Việc này tôi rất mong đợi ở các nhà nghiên cứu và bạn đọc tâm đắc. *Khám phá bao giờ cũng là một công trình sáng tạo, tiếp nối, giao lưu, mở rộng bao gồm nhiều thế hệ người, và không bao giờ dừng lại. Đặc biệt đối với các công trình khám phá nền văn hóa phương Đông, văn hóa Việt.*

CÔI VÔ HÌNH - SỰ THẬT VÀ LÝ GIẢI

Đồng Thị Bích Hương

Theo quan điểm của Giáo sư Baird Thomas Spalding (1857 - 1953) thì: “Khắp nơi trên thế giới đều có các giai thoại về Ma, nhưng vì con người không thể nhận thức bằng các giác quan thông thường nên đã phủ nhận nó. Sự phủ nhận này mang đến niềm sợ hãi. Từ đó, họ thêu dệt các giai thoại rùng rợn, ly kỳ, không đúng sự thật. Nếu chúng ta chấp nhận Ma Quý hiện hữu một con voi, hay con ngựa thì có lẽ chẳng còn gì đáng để kinh ngạc”

Vậy có Ma không? Hay hỏi theo một cách khác - Chết có phải là hết không? Có linh hồn không?

“Chết không phải là hết, đó chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp. Trong vũ trụ có nhiều cõi giới, chứ không chỉ có một cõi Trần”.

“Khi chết ta bước qua cõi Trung giới và cõi này gồm có bảy cảnh giới khác nhau. Mỗi cảnh giới được cấu tạo bằng những nguyên tử rất thanh mà ta gọi là “Dĩ thái”. Tùy theo sự rung động khác nhau mà mỗi cảnh giới một khác. Tùy theo vía con người có sự rung động thanh cao hay chậm đặc mà mỗi người thích hợp với một cảnh giới, đây chính là hiện tượng “đồng thanh tương ứng” mà thôi. Khi vừa chết, thể chất cấu tạo cái vía được sắp xếp lại, lớp thanh nhẹ nằm trong và lớp nặng trọc bọc phía ngoài. Điều

này cũng giống như một người mặc nhiều áo khác nhau vào mùa lạnh: áo lót mặc ở trong, áo choàng dày khoác ngoài. Vì lớp vỏ bọc bên ngoài cấu tạo bằng nguyên tử rung động chậm và nặng nề, nó thích hợp với các cảnh giới ở cõi âm và con người sẽ đến với cảnh giới này. Sau khi ở đây một thời gian, lớp vỏ bọc bên ngoài dần dần tan rã, giống như con người trút bỏ áo khoác bên ngoài ra, tùy theo các lớp nguyên tử bên trong mà họ thích ứng với một cảnh giới khác. Cứ như thế, theo thời gian, khi các áp lực vật chất tan rã hết thì con người tuần tự tiến lên những cảnh giới cao hơn. Điều này cũng giống như một quả bóng bay bị cột vào đó những bao cát. Mỗi lần cởi được một bao thì quả bóng lại bay cao hơn một chút cho đến khi không còn bao cát nào thì nó sẽ tự do bay bổng. Trong bầy cảnh giới của cõi Âm, thì cảnh thứ bảy có rung động nặng nề, âm u nhất. Nó là nơi chứa các vong linh bất hảo, những kẻ sát nhân, người mô sé súc vật, nhân cận bã xã những hội, những kẻ tư tưởng xấu xa còn đầy thú tính. Ở cõi âm, không có thể xác, hình dáng thường biến đổi theo tư tưởng nên một kẻ thú tính mạnh mẽ thường mang các hình dáng ghê rợn nửa người, nửa thú. Những người thiếu kiến thức rõ rệt về cõi này thường cho rằng đó là những "quỷ sứ". Điều này cũng không sai sự thật bao nhiêu vì đa số những vong linh này luôn oán hận, ham muốn, thù địch và thường tìm cách trở về cõi Trần. Tùy theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng. Dĩ nhiên người cõi Trần không nhìn thấy chúng được. Những loài

ma đói khát quanh quẩn bên các nhóm chôn trà đình, tửu quán, các nơi mô xé thú vật để tìm những rung động theo những khoái lạc vật chất tại đây. Đôi khi chúng cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi giục con người nếu họ có tinh thần yếu đuối, non nớt. Nếu người sống sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ không tự chủ được nữa, các loại ma tìm cách nhập vào trong thoáng giây để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa. Vì không được thường xuyên thỏa mãn nên theo thời gian, các dục vọng cũng giảm dần, các nguyên tử nặng nề cũng tan theo, vong linh sẽ có các rung động thích hợp với một cảnh giới cao hơn và sẽ thăng lên cõi giới tương ứng. Dĩ nhiên, một người có đời sống trong sạch, tinh khiết không lưu ở cõi này, mà thức tỉnh ở một cõi giới tương ứng khác. Tùy theo tư tưởng, lối sống khi ta còn ở cõi trần mà khi chết ta sẽ đến những cảnh giới tương đồng. Đây chính là định luật: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu".

Còn ở Việt Nam trong thời điểm này, các hiện tượng nhập hồn, áp vong bước đầu để giải quyết tâm lý cho người dân có nhu cầu gặp được người thân mà khi chết có vô vàn điều chưa thể nói. Tiếp đó các nhà khoa học dần nhập cuộc mà tìm hiểu xem: "*Có không - một sự sống sau khi chết*".

"Sự thật chẳng phải bàn cãi: Quả nhiên Chết không phải là hết mà chỉ sự tan rã của xác thân chứ không phải hết thức sự sống. Đời sống cõi Trần chỉ là một phần nhỏ

của chu kỳ kiếp sống. Chu kỳ này được biểu hiện bằng một vòng tròn mà sự Sống và cái Chết là những nhịp cầu chuyển tiếp giữa hai cõi Âm - Dương. Trên con đường tiến hóa, còn hàng hà sa số các chu kỳ, các kiếp sống cho mỗi cá nhân.

Hình hài tan rã đi để sự sống tiến hóa ở một thể khác tinh vi hơn. Đó chính là vấn đề hợp lý và khoa học, cho ta thấy sự quân bình của vũ trụ. Khi còn sống, con người có dục vọng này nọ, khi dục vọng được thỏa mãn, nó sẽ gia tăng mạnh mẽ, đồng thời các chất thô lệch, các rung động nặng nề sẽ bị hút vào thể vía. Sau khi chết, dục vọng này trở nên mạnh mẽ hơn vì không còn lý trí để kiểm soát nữa, chính thể nó sẽ đốt cháy con người của ta. Sự nung đốt của dục vọng đó chính là Địa ngục! Tứ đức, phẩm hạnh khi còn trẻ quyết định điều kiện sinh sống lúc tuổi già. Đời sống cõi Trần quyết định đời sống bên kia cửa Tử. Luật này hết sức hợp lý và dễ chứng minh. Khi còn trẻ ta tập thể thao, giữ thân thể khỏe mạnh thì khi về già ta sẽ ít bệnh tật. Khi còn trẻ ta chịu khó học hỏi, có một nghề nghiệp vững chắc thì khi về già đời sống được đảm bảo hơn là lẽ đương nhiên. Những người nào chế ngự được dục vọng thấp hèn, làm chủ được đòi hỏi của thể xác, thì các dục vọng này không thể hành hạ khi ta chết. Luật thiên nhiên định rằng khi về già thể xác yếu dần, đau ốm khiến ta bớt đi các ham muốn và nhờ thế, dục vọng cũng giảm bớt rất nhiều nên thể vía cũng thanh lọc bớt các chất

nặng nề, ô trược để khi chết, sẽ thức tỉnh ở cảnh giới cao thượng hơn. Trái lại, những người còn trẻ, lòng ham muốn còn mạnh mẽ, nếu chết bất đắc kỳ tử thường đau khổ rất nhiều và phải lưu lại cõi cõi Trung giới lâu hơn. Nếu hiểu biết như thế, ta cần phải duyệt xét lại đời sống của mình ở cõi Trần để khỏi lưu lại những cảnh giới thấp thỏi, nặng nề bên cõi Âm. Những người lớn tuổi cần chuẩn bị để dứt bỏ các quyến luyến, ràng buộc, các lo lắng ưu phiền, các tranh chấp giận hờn, phải biết xả ly, dứt bỏ mọi phiền não để mau chóng siêu thoát. Một sự chuẩn bị ở cõi Trần sẽ rút ngắn thời gian bên cõi Âm và chóng thúc đẩy thời gian lên cõi giới cao hơn”.

Linh hồn hay còn gọi là Thể vía là một dạng vật chất mà chưa có một dụng cụ hay thiết bị nào có thể cân đo đạc. Chưa một ai dùng nhãn quan của khoa học thực nghiệm để có thể xem xét kỹ lưỡng được cõi vô hình. Những người có khả năng đặc biệt ở Việt Nam, từng người một, lúc này cũng chỉ như một mảnh ghép của một bức tranh toàn cảnh về cõi Âm. Các nhà khoa học ngày đêm cần cù ghép các mảnh lại với nhau để tới một lúc nào đó, chúng ta sẽ có được một bức tranh hoàn hảo. Với Khoa Huyền bí học đã chỉ cho chúng ta biết Cõi Âm là một thế giới lạ lùng, phức tạp với những Luật Thiên nhiên khác hẳn Cõi Trần.

Hiểu biết về Linh hồn tiếp tục Sự sống sau khi Chết là một kiến thức cần thiết cho mọi người để sao cho cuộc



TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH

Chia sẻ tài liệu tâm linh

Main Menu

RSS:

- [RSS - Posts](#)

TÌM KIẾM TRONG BLOG:

CHUYÊN MỤC

- [Chia sẻ](#)
- [Chuyện lạ](#)
- [Long mạch](#)
- [Ngoại cảm](#)
- [Power Point](#)
- [Sách nói](#)
- [Tâm Linh](#)
- [Tự giới thiệu](#)
- [Thủ thuật PC](#)

BÀI VIẾT MỚI

- [ĐI XEM ÁP VONG GỌI HỒN](#)
- [Tụng Chú đại bi có hình ảnh và phụ đề](#)
- [Bé Như Ý 9 tuổi thuyết pháp hay như Pháp Sư](#)
- [Nhân xét của thầy](#)

Huyền môn lược ký 1 (Sách nói mp3)

20/02/2012

☆☆☆☆☆ [Rate This](#)

Đây là sách nói Huyền môn lược ký 1 do chính tác giả NNC Nguyễn Thị Thanh Lan đọc. Bản quyền thuộc về tác giả và mọi hình thức sao chép phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ.

[Huyền môn lược ký 1.giới thiệu mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.1 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.2 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.3 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.4 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.5 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.6 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.7 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.8 mp3:](#)

chiase.wordpress.com